

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh Q1/2020, Công Ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSTP Đồng Nai xin giải trình kết quả kinh doanh Q1/2020 so với cùng kỳ năm ngoái theo bảng đính kèm dưới đây:

1. Báo cáo tài chính riêng:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 Năm nay	Quý 01 Năm trước	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		200,782,587,326	90,376,518,423	110,406,068,903	222%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			263,950,047	(263,950,047)	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		200,782,587,326	90,112,568,376	110,670,018,950	223%
4. Giá vốn hàng bán	11		204,534,131,852	90,538,538,951	113,995,592,901	226%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(3,751,544,526)	(425,970,575)	(3,325,573,951)	881%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,014,272,113	242,177,661	772,094,452	419%
7. Chi phí tài chính	22		3,241,454,579	(5,144,713,950)	8,386,168,529	-63%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,755,812,826	1,589,821,313	1,165,991,513	173%
8. Chi phí bán hàng	25		828,406,652	1,142,592,062	(314,185,410)	73%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3,772,665,674	3,251,219,507	521,446,167	116%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10,579,799,318)	567,109,467	(11,146,908,785)	-1866%
11. Thu nhập khác	31		211,369,511	318,378,393	(107,008,882)	66%
12. Chi phí khác	32		684,563,001	570,266,050	114,296,951	120%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(473,193,490)	(251,887,657)	(221,305,833)	188%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(11,052,992,808)	315,221,810	(11,368,214,618)	-3506%
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		(11,052,992,808)	315,221,810	(11,368,214,618)	-3506%

Nguyên nhân biến động:

1. Doanh thu bán hàng Q1/2020 tăng 110.406.068.903đ so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu là do trong Q1/2020, công ty đẩy mạnh sản lượng xuất bán mặt hàng cafe, điều. Tuy nhiên, giá bán trên thị trường đối với mặt hàng nông sản biến động giảm trong khi giá thành doanh nghiệp cao dẫn đến giá vốn tăng nên kinh doanh không có hiệu quả.
2. Doanh thu hoạt động tài chính Q1/2020 tăng 772.094.452đ so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do Q1/2020 công ty hạch toán lãi ứng tiền mua Caphe của Công ty Cà phê Tin Nghĩa: 673.043.656đ.
3. Chi phí hoạt động tài chính Q1/2020 tăng 8.386.168.529đ so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu là do Q1/2019 công ty hạch toán hoàn nhập khoản dự phòng khoản đầu tư tài chính vào

Công ty ThaibinhFoods: 8.160.031.349đ.

Vì vậy Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong Q1/2020 giảm 3506% so với cùng kỳ năm ngoái.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 01 Năm nay	Quý 01 Năm trước	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		283,105,482,047	156,491,360,209	126,614,121,838	181%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			278,718,612	(278,718,612)	0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		283,105,482,047	156,212,641,597	126,892,840,450	181%
4. Giá vốn hàng bán	11		281,211,587,420	151,871,984,088	129,339,603,332	185%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1,893,894,627	4,340,657,509	(2,446,762,882)	44%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,349,268,595	472,884,362	876,384,233	285%
7. Chi phí tài chính	22		3,833,579,104	3,101,195,385	732,383,719	124%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2,851,956,089	(5,275,601,942)	8,127,558,031	-54%
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		100,316,560	104,386,582	(4,070,022)	96%
9. Chi phí bán hàng	25		2,550,203,217	2,651,910,949	(101,707,732)	96%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5,619,048,831	5,150,974,578	468,074,253	109%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8,659,351,370)	(5,986,152,459)	(2,673,198,911)	145%
12. Thu nhập khác	31		447,764,633	471,185,763	(23,421,130)	95%
13. Chi phí khác	32		687,563,001	1,230,290,627	(542,727,626)	56%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(239,798,368)	(759,104,864)	519,306,496	32%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(8,899,149,738)	(6,745,257,323)	(2,153,892,415)	132%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		410,705,302	380,343,142	30,362,160	131%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9,309,855,040)	(7,125,600,465)	(2,184,254,575)	135%
18. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		(10,106,623,326)	(7,500,936,785)	(2,605,686,541)	135%
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		796,768,286	375,336,320	421,431,966	212%
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(449)	(333)	(116)	135%

Nguyên nhân biến động:

Do ảnh hưởng chủ yếu từ Kết quả kinh doanh trên Báo cáo riêng của Công Ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSTP Đồng Nai số: 11.052.992.808đ theo giải trình ở trên trong khi các công ty con, liên kết kết quả kinh doanh có hiệu quả không biến động nhiều so với Q1/2019 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất chung của Công ty trong Q1/2020 lỗ thêm 35% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSTP Đồng Nai. Xin báo cáo đề Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội được biết. Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên; lưu



Nguyễn Cao Nhơn